

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51 /2025/CV-FGL

Gia Lai, ngày 12 tháng 08 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai thực hiện công bố thông tin báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

- Mã chứng khoán: **FGL**
- Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu - P. Thống Nhất - Gia Lai
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0269 - 3716715
- Email: [giacomex.fgl@gmail.com](mailto:giacomex.fgl@gmail.com) Website: <http://gialaicoffee.com.vn/>

## 2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC thông tin tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2025
  - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: ....08/2025 tại đường dẫn: <http://gialaicoffee.com.vn/tin-tuc/12-bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC.....
- Văn bản giải trình .....



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Công Tiến*



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
Công ty thành viên của JPA International  
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM  
Chi nhánh Đà Nẵng : 16 Lê Lai, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

## **MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	07 - 08
4. Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	11 – 36

---



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

### **Báo cáo của Hội đồng quản trị**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét.

### **1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189678 ngày 13/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 28/06/2024.

Vốn điều lệ: 146.763.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2025: 146.763.000.000 đồng

### **2. Trụ sở hoạt động**

#### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Điện thoại : (84) 0269 3824760
- Fax : (84) 0269 3822487

**Đơn vị trực thuộc:** Công ty có 04 đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc)

- Chi nhánh Ia Bă Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Yok Địa chỉ: Thôn Lập Thành, xã Ia Hrug, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Grăng Địa chỉ: Thôn Làng Khốp, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Chư Sê Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai

### **3. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Mua bán nông sản xuất khẩu (trừ mù cao su);
- Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Trồng cây cà phê;
- Rang và lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm cà phê;
- Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại.

### **4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này bao gồm:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

**Báo cáo của Hội đồng quản trị**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)

**4.1 Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch	26/06/2024	
Ông Trịnh Đình Trường	P.Chủ tịch	26/06/2024	
Ông Nguyễn Công Tiến	Thành viên	26/06/2024	
Ông Trịnh Quang Vinh	Thành viên	28/04/2023	17/04/2025
Ông Phùng Ngọc Kim	Thành viên	28/04/2023	17/04/2025

**4.2. Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đông Hưng	Trưởng ban	28/04/2023	
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên	17/04/2025	
Bà Bùi Thị Bích Hương	Thành viên	28/04/2023	
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	26/06/2024	17/04/2025

**4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Tiến	Tổng Giám đốc	26/06/2024	
Ông Nguyễn Văn Quân	P.Tổng Giám đốc	26/06/2024	
Ông Lê Bá Hiếu	Kế toán trưởng	26/06/2024	

**5. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	26/06/2024	
Ông Nguyễn Công Tiến	Tổng Giám đốc	26/06/2024	

**6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 36.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

**Báo cáo của Hội đồng quản trị**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 (tiếp theo)

### **8. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### **9. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**TRỊNH QUANG HÙNG**

Chủ tịch

Gia Lai, ngày 11 tháng 08 năm 2025



Số: 31/2025/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT

### THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 11 tháng 08 năm 2025, từ trang 7 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh V18.b về Vay và nợ thuê tài chính dài hạn, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định dùng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho Công ty để đảm bảo các khoản vay của Công ty CP Chè Biển Hồ (Bên liên quan – chung công ty đầu tư) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai. Việc đảm bảo các khoản vay của công ty là bên liên quan như trên là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Như trình bày tại mục VIII.1 – Nợ tiềm tàng, khoản tiền thuê đất và phạt chậm nộp theo Thông báo của Cơ quan Thuế chưa được ghi nhận đầy đủ vào chi phí hoạt động các kỳ trước của Công ty, cụ thể:
  - Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 7.754.365.354 đồng (tiền thuê đất) và 4.020.354.217 đồng (phạt chậm nộp).
  - Giai đoạn Công ty cổ phần (năm 2019) là 395.826.472 đồng (tiền thuê đất) và 215.124.770 đồng (phạt chậm nộp).

Khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước về tiền thuê đất này do 2 bên chưa thống nhất nghĩa vụ phải nộp, Công ty đã làm đơn khởi kiện Cục Trưởng cục thuế Tỉnh Gia Lai và hiện nay Tòa án nhân dân Tỉnh Gia Lai đã thụ lý vụ án này. Theo đó, số liệu này có thể ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán (nếu có) tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.



### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5 trong Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 30/06/2025, lỗ lũy kế của Công ty là (134.369.284.626) đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn 81.914.179.027 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Do đó, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Đà Nẵng, ngày 11 tháng 08 năm 2025

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES**



**Huỳnh Minh Hưng – Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNDKHN số: 3402-2025-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

DVT: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>15.438.287.643</b>	<b>14.946.725.832</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>180.167.527</b>	<b>4.304.624.152</b>
1. Tiền	111	V.1	180.167.527	4.304.624.152
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.417.258.821</b>	<b>5.295.329.276</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.860.214.300	4.860.214.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	159.405.446	159.879.956
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.827.581.038	5.704.287.407
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.429.941.963)	(5.429.052.387)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>8.022.032.871</b>	<b>3.523.951.803</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.182.742.203	3.684.661.135
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(160.709.332)	(160.709.332)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.818.828.424</b>	<b>1.822.820.601</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	15.929.608	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.687.514.086	1.717.623.219
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	115.384.730	105.197.382
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>95.016.246.615</b>	<b>100.852.282.899</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>87.507.909.557</b>	<b>95.057.515.570</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	87.405.109.300	94.954.172.037
- Nguyên giá	222		351.579.086.207	369.130.677.361
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(264.173.976.907)	(274.176.505.324)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	102.800.257	103.343.533
- Nguyên giá	228		110.144.000	110.144.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.343.743)	(6.800.467)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.320.960.603</b>	<b>4.517.399.506</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	6.320.960.603	4.517.399.506
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.187.376.455</b>	<b>1.277.367.823</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1.187.376.455	1.277.367.823
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>110.454.534.258</b>	<b>115.799.008.731</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

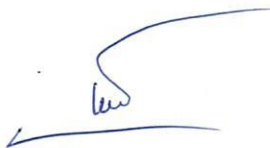
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2	1	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>97.352.466.670</b>	<b>94.064.382.175</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>84.047.255.951</b>	<b>71.314.307.818</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.611.277.350	550.048.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	27.300.000.000	14.700.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.965.157.073	3.044.512.727
4. Phải trả người lao động	314	V.14	734.844.663	1.056.523.008
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	25.814.245.247	22.920.597.047
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	180.625.932	27.965.057
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.126.506.286	3.060.061.949
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	23.314.599.400	25.954.599.400
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.305.210.719</b>	<b>22.750.074.357</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	447.022.719	491.886.357
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	12.858.188.000	22.258.188.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.102.067.588</b>	<b>21.734.626.556</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>12.393.715.374</b>	<b>20.753.274.342</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(134.369.284.626)	(126.009.725.658)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(126.009.725.658)	(105.534.672.863)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.359.558.968)	(20.475.052.795)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>708.352.214</b>	<b>981.352.214</b>
1. Nguồn kinh phí	431		708.352.214	981.352.214
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>110.454.534.258</b>	<b>115.799.008.731</b>

Gia Lai, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



LÊ BÁ HIẾU



LÊ BÁ HIẾU



NGUYỄN CÔNG TIỀN



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

Báo cáo kết quả kinh doanh

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024)
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.528.107.756	174.708.916
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.528.107.756	174.708.916
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.401.228.373	96.297.414
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.126.879.383	78.411.502
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	156.765.350	95.245.792
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.897.224.900	3.379.590.600
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.897.224.900	3.379.590.600
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	10.189.250	350.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.427.883.853	7.952.372.438
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.051.653.270)	(11.158.655.744)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	473.063.300	474.636.605
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.780.968.998	3.598.395.998
13. Lợi nhuận khác	40		(4.307.905.698)	(3.123.759.393)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.359.558.968)	(14.282.415.137)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.359.558.968)	(14.282.415.137)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(570)	(973)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(570)	(973)

Gia Lai, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ BÁ HIẾU

LÊ BÁ HIẾU



NGUYỄN CÔNG TIẾN



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024)
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		18.241.811.090	22.511.000.986
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(2.057.813.484)	(1.820.404.609)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.718.501.391)	(1.323.012.609)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(9.076.700)	(5.467.977.150)
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.802.469.398	3.291.016.259
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.847.899.791)	(2.977.250.184)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11.410.989.122</b>	<b>14.213.372.693</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.652.211.097)	(1.330.072.639)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	156.765.350	95.243.364
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.495.445.747)</b>	<b>(1.234.829.275)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	11.140.000.000	6.714.913.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(23.180.000.000)	(20.339.913.000)
5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12.040.000.000)</b>	<b>(13.625.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.124.456.625)</b>	<b>(646.456.582)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>4.304.624.152</b>	<b>676.605.283</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>180.167.527</b>	<b>30.148.701</b>

Người lập biểu

LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng

LÊ BÁ HIẾU

Gia Lai, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



NGUYỄN CÔNG TIẾN



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189678 ngày 13/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 28/06/2024.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất nông nghiệp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nông sản xuất khẩu (trừ mù cao su);
- Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Trồng cây cà phê;
- Rang và lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm cà phê;
- Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong kỳ, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

#### **6. Cấu trúc Công ty**

**Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

- Chi nhánh Ia Bă                      Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Yok                    Địa chỉ: Thôn Lập Thành, xã Ia Hrug, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Grăng                Địa chỉ: Thôn Làng Khớp, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Chư Sê                    Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 31 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2025 là 30 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

#### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### **Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	8
Vườn cây lâu năm	20

### **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất có thời hạn và lâu dài. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

#### **8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **10. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

#### **11. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

##### ***Doanh thu bán cà phê nhân xô, vật tư nông nghiệp***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

#### **15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.



**16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**18. Báo cáo theo bộ phận**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025 VNĐ	01/01/2025 VNĐ
- Tiền mặt tại quỹ	163.501.392	552.665.726
- Tiền gửi ngân hàng	16.666.135	3.751.958.426
<b>Cộng</b>	<b>180.167.527</b>	<b>4.304.624.152</b>

**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.860.214.300</i>	<i>4.860.214.300</i>
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	4.860.214.300	4.860.214.300
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>4.860.214.300</b>	<b>4.860.214.300</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>159.405.446</i>	<i>159.879.956</i>
Hộ kinh doanh Giang Dụ	157.000.000	157.000.000
Các đối tượng khác	2.405.446	2.879.956
<b>Cộng</b>	<b>159.405.446</b>	<b>159.879.956</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>5.448.181.038</b>	<b>(569.727.663)</b>	<b>5.704.287.407</b>	<b>(568.838.087)</b>
UBND huyện Chư Prông	175.025.874	-	447.375.948	-
Ông Võ Ngọc Hiếu	4.668.274.673	-	4.668.274.673	-
Phải thu khác	604.880.491	(569.727.663)	588.636.786	(568.838.087)
- Phải thu khác tại văn phòng	295.455	-	12.904.500	-
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Yok	34.211.757	(34.211.757)	34.211.757	(34.211.757)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Bă	220.000	(220.000)	220.000	(220.000)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Grăng	534.294.983	(534.294.983)	534.294.983	(534.294.983)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Chư sê	1.704.924	(1.000.923)	296.924	(111.347)
- Phải thu BHXH nộp thừa	34.153.372	-	6.708.622	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	<b>379.400.000</b>	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.827.581.038</b>	<b>(569.727.663)</b>	<b>5.704.287.407</b>	<b>(568.838.087)</b>

**5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	4.860.214.300	4.860.214.300
Các đối tượng khác	569.727.663	568.838.087
<b>Cộng</b>	<b>5.429.941.963</b>	<b>5.429.052.387</b>

**Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	5.429.052.387	568.726.740
Trích lập trong kỳ	889.576	5.572.150.010
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.429.941.963</b>	<b>6.140.876.750</b>

**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.794.932.133	(160.709.332)	328.699.521	(160.709.332)
Chi phí SXKD dở dang	6.387.810.070	-	-	-
Thành phẩm	-	-	3.355.961.614	-
<b>Cộng</b>	<b>8.182.742.203</b>	<b>(160.709.332)</b>	<b>3.684.661.135</b>	<b>(160.709.332)</b>

- Trong đó, giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất tại ngày 30/06/2025 là 160.709.332 đồng. Toàn bộ giá trị này đã được Công ty trích lập dự phòng số tiền tương ứng.
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2025.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	105.605.543.136	13.751.776.555	13.652.020.076	190.000.000	235.931.337.594	369.130.677.361
Mua sắm trong kỳ	-	543.000.000	1.305.650.000	-	-	1.848.650.000
Giảm trong kỳ:	-	-	-	-	(19.400.241.154)	(19.400.241.154)
- Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	(19.400.241.154)	(19.400.241.154)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>105.605.543.136</b>	<b>14.294.776.555</b>	<b>14.957.670.076</b>	<b>190.000.000</b>	<b>216.531.096.440</b>	<b>351.579.086.207</b>
<b>Trong đó:</b>						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.578.148.211	1.140.900.000	-	-	-	8.719.048.211
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	76.537.506.229	10.154.017.298	7.821.656.505	168.790.871	179.494.534.421	274.176.505.324
Khấu hao trong kỳ	1.462.498.086	439.346.311	721.944.606	6.237.966	2.055.374.520	4.685.401.489
Giảm trong kỳ:	-	-	-	-	(14.687.929.906)	(14.687.929.906)
- Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	(14.687.929.906)	(14.687.929.906)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>78.000.004.315</b>	<b>10.593.363.609</b>	<b>8.543.601.111</b>	<b>175.028.837</b>	<b>166.861.979.035</b>	<b>264.173.976.907</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	29.068.036.907	3.597.759.257	5.830.363.571	21.209.129	56.436.803.173	94.954.172.037
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>27.605.538.821</b>	<b>3.701.412.946</b>	<b>6.414.068.965</b>	<b>14.971.163</b>	<b>49.669.117.405</b>	<b>87.405.109.300</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình có trên các quyền sử dụng đất được sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 8.067.009.500 đồng. (Xem Thuyết minh số V.17b)

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Quyền sử dụng đất lâu dài	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	32.144.000	78.000.000	110.144.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.144.000</b>	<b>78.000.000</b>	<b>110.144.000</b>
<b>Trong đó:</b>			
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
- Chờ thanh lý	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	6.800.467	-	6.800.467
Khấu hao trong kỳ	543.276	-	543.276
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.343.743</b>	<b>-</b>	<b>7.343.743</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	25.343.533	78.000.000	103.343.533
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.800.257</b>	<b>78.000.000</b>	<b>102.800.257</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- **Quyền sử dụng đất có thời hạn:** Quyền sử dụng đất tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA517987 ngày 23/02/2022, diện tích 268,3 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tương ứng 32.144.000 đồng, thời hạn sử dụng đến tháng 4 năm 2047.
- **Quyền sử dụng đất lâu dài:** Quyền sử dụng đất tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA517987 ngày 23/02/2022, diện tích 130 m<sup>2</sup> đất ở tương ứng 78.000.000 đồng.

Hiện nay Công ty vẫn chưa có kế hoạch sử dụng các quyền sử dụng đất này.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>4.517.399.506</b>	<b>1.803.561.097</b>	-	<b>6.320.960.603</b>
+ Diện tích tái canh tại chi nhánh Ia	4.517.399.506	1.285.411.629	-	5.802.811.135
Grăng năm 2024				
+ Diện tích tái canh tại chi nhánh Ia	-	518.149.468	-	518.149.468
Grăng năm 2025				
<b>Cộng</b>	<b>4.517.399.506</b>	<b>1.803.561.097</b>	-	<b>6.320.960.603</b>

**10. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	15.929.608	-
<b>Cộng</b>	<b>15.929.608</b>	-

**Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	-	3.974.166
Tăng trong kỳ	25.915.700	-
Phân bổ trong kỳ	(9.986.092)	(2.384.502)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.929.608</b>	<b>1.589.664</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b. Dài hạn**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa	105.440.458	32.465.067
Chi phí trả trước khác chờ phân bổ	30.981.769	29.736.928
Lợi thế kinh doanh	1.050.954.228	1.215.165.828
<b>Cộng</b>	<b><u>1.187.376.455</u></b>	<b><u>1.277.367.823</u></b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	1.277.367.823	1.585.682.118
Tăng trong kỳ	97.075.180	18.662.000
Phân bổ trong kỳ	(187.066.548)	(176.108.024)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>1.187.376.455</u></b>	<b><u>1.428.236.094</u></b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.106.153.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Chè Biển Hồ	1.106.153.000	-
<b>Phải trả các người bán khác</b>	<b>505.124.350</b>	<b>550.048.630</b>
- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây hồ tiêu	378.000.000	378.000.000
- DNTN Cường Thành	83.024.350	83.024.350
Các đối tượng khác	44.100.000	89.024.280
<b>Cộng</b>	<b><u>1.611.277.350</u></b>	<b><u>550.048.630</u></b>

Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30/06/2025 là 83.024.350 đồng.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>27.300.000.000</b>	<b>14.700.000.000</b>
Công ty CP Chè Biển Hồ	17.300.000.000	4.700.000.000
Công ty TNHH Long Sơn	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>27.300.000.000</u></b>	<b><u>14.700.000.000</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Số dư đầu năm		Số phải nộp	Số đã nộp trong	Số dư cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	trong kỳ	kỳ	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	105.197.382	-	-	-	105.197.382	-
Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công	-	3.973.614	73.659.139	86.748.950	9.116.197	-
Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn	-	181.628.684	453.835	183.153.670	1.071.151	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.692.899.577	2.703.572.778	3.500.769.450	-	1.895.702.905
Các loại thuế khác	-	49.230.002	33.886.206	18.318.198	-	64.798.010
Phí và lệ phí	-	116.780.850	78.957.870	191.082.562	-	4.656.158
<b>Cộng</b>	<b>105.197.382</b>	<b>3.044.512.727</b>	<b>2.890.529.828</b>	<b>3.980.072.830</b>	<b>115.384.730</b>	<b>1.965.157.073</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các mặt hàng nông sản Công ty tự sản xuất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Các mặt hàng khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với thu nhập từ trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chế biến nông sản (bao gồm cả trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp mua bán sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) được miễn thuế. Ưu đãi miễn thuế TNDN đối với hoạt động nêu trên được quy định tại điểm 1 điều 8 VBHN số 26 ngày 14/09/2015 của Bộ Tài chính.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(8.359.558.968)</b>	<b>(14.282.415.137)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	2.769.342.362	4.181.087.278
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.769.342.362	4.181.087.278
+ Chi phí khấu hao xe ô tô đối với phần nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng và khấu hao QSDĐ chưa sử dụng	562.086.270	562.086.270
+ Phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp	807.870	-
+ Thù lao HĐQT không chuyên trách	273.272.728	114.900.000
+ Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/NĐ-CP	1.865.325.614	3.379.557.008
+ Chi phí không hợp lệ khác	67.849.880	124.544.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(5.590.216.606)	(10.101.327.859)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	(5.590.216.606)	(10.101.327.859)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Phải trả người lao động**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Tiền lương phải trả	650.348.485	1.003.523.008
Tiền thưởng HĐQT, BKS phải trả	84.496.178	53.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>734.844.663</u></b>	<b><u>1.056.523.008</u></b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Chi phí lãi vay, lãi nhận tiền ứng trước phải trả	25.731.745.247	22.843.597.047
Trong đó, lãi phải trả Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ	23.097.957.833	20.614.847.833
Chi phí phải trả khác	82.500.000	77.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>25.814.245.247</u></b>	<b><u>22.920.597.047</u></b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện****a. Ngắn hạn**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</b>	-	-
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>180.625.932</b>	<b>27.965.057</b>
- Trần Văn Bình	100.596.125	-
- Công ty TNHH TH GLOBAL Việt Nam	80.029.807	-
- Đối tượng khác	-	27.965.057
<b>Cộng</b>	<b><u>180.625.932</u></b>	<b><u>27.965.057</u></b>

**b. Dài hạn**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
<b>Doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan</b>	<b>134.090.909</b>	<b>147.727.273</b>
- Công ty CP Năng Lượng Nghĩa Hưng	134.090.909	147.727.273
<b>Doanh thu chưa thực hiện khác</b>	<b>312.931.810</b>	<b>344.159.084</b>
- Công ty CP Novus Imperium Gia Lai 1	134.090.909	147.727.273
- Công ty TNHH Na Sơn Gia Lai	87.340.901	95.931.811
- Công ty CP Solcano	91.500.000	100.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>447.022.719</u></b>	<b><u>491.886.357</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2025	01/01/2025
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</b>	<b>3.126.506.286</b>	<b>3.060.061.949</b>
Kinh phí công đoàn	4.901.000	5.782.850
BHXX, BHYT, BHTN	20.326.187	-
Phải trả về chế độ dôi dư	1.698.297.360	1.698.297.360
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	1.041.882.332	1.041.882.332
Các khoản phải trả khác	361.099.407	314.099.407
- Phải trả khác tại văn phòng (*)	80.750.303	80.750.303
- Phải trả người dân tiền đo đạc, cắm mốc	233.349.104	233.349.104
- Thù lao HĐQT và BKS	47.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.126.506.286</b>	<b>3.060.061.949</b>

(\*) Trong đó có chi phí xăng xe, điện thoại phải trả cho Ban Giám đốc, kế toán trưởng và kiểm soát viên làm nhiệm vụ bàn giao sang Công ty cổ phần chưa được công ty chi trả số tiền: 19.754.802 đồng.

**18. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>9.974.599.400</b>	<b>9.974.599.400</b>	<b>14.754.599.400</b>	<b>14.754.599.400</b>
Vay ngắn hạn của cá nhân (Xem thuyết minh số VIII.2b)	9.974.599.400	9.974.599.400	14.754.599.400	14.754.599.400
- Trịnh Quang Hưng	5.429.750.000	5.429.750.000	6.259.750.000	6.259.750.000
- Trịnh Đình Trường	3.794.849.400	3.794.849.400	3.794.849.400	3.794.849.400
- Nguyễn Quang Hải	-	-	4.700.000.000	4.700.000.000
- Nguyễn Công Tiến	750.000.000	750.000.000	-	-
<b>Vay ngắn hạn các đối tượng khác</b>	<b>1.840.000.000</b>	<b>1.840.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả là các bên liên quan</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (Xem thuyết minh số VIII.2b)	11.500.000.000	11.500.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.314.599.400</b>	<b>23.314.599.400</b>	<b>25.954.599.400</b>	<b>25.954.599.400</b>

- Vay ngắn hạn cá nhân khác theo các hợp đồng vay có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay là 7,8%/năm đến 8,4%/năm và không có tài sản thế chấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b. Dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn là các bên liên quan</b>	<b>12.858.188.000</b>	<b>12.858.188.000</b>	<b>22.258.188.000</b>	<b>22.258.188.000</b>
- Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ	12.858.188.000	12.858.188.000	22.258.188.000	22.258.188.000
<b>Cộng</b>	<b>12.858.188.000</b>	<b>12.858.188.000</b>	<b>22.258.188.000</b>	<b>22.258.188.000</b>

## - Vay dài hạn Công ty CP Chè Biển Hồ theo các hợp đồng vay gồm:

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2019-FGL/BHG ngày 25/03/2019 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 12.500.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 12,5%/năm.

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2018-FGL/BHG ngày 11/10/2018 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 20.206.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 12,5%/năm.

+ Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2023-BHG/FGL ngày 01/07/2023. Số tiền vay: 15.752.188.000 đồng với thời gian vay là 5 năm, lãi suất vay 12,5%/năm.

(b1) Tất cả các khoản vay của Công ty CP Chè Biển Hồ đều không có tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty đã có biên bản họp số 07/BB.HĐQT ngày 22/12/2022 về việc thống nhất thực hiện giao dịch với bên liên quan. Theo đó, Công ty sẽ sử dụng các tài sản hiện có là các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay nợ của Công ty CP Chè Biển Hồ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai. Chi tiết các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được dùng để bảo đảm các khoản vay như sau:

TT	Tài sản	Địa chỉ	Mục đích
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517854	Tổ dân phố 2, Phường Thống Nhất, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Đất thương mại dịch vụ
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517909	Xã IaYok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517851	Xã IaYok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517834	Xã Ia Bă, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517905	Xã Ia Bă, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517906	Xã Ia Grăng, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

TT	Tài sản	Địa chỉ	Mục đích
7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517901	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517902	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517817	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	146.763.000.000	(105.534.672.863)	41.228.327.137
Lợi nhuận trong kỳ	-	(14.282.415.137)	(14.282.415.137)
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2024</b>	<b>146.763.000.000</b>	<b>(119.817.088.000)</b>	<b>26.945.912.000</b>
Số dư tại 01/01/2025	146.763.000.000	(126.009.725.658)	20.753.274.342
Lợi nhuận trong kỳ	-	(8.359.558.968)	(8.359.558.968)
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2025</b>	<b>146.763.000.000</b>	<b>(134.369.284.626)</b>	<b>12.393.715.374</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
- Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
- Cổ đông khác	100,00%	146.763.000.000	100,00%	146.763.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Legend Highland	23,85%	35.000.000.000	23,85%	35.000.000.000
+ Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	23,09%	33.892.380.000	23,09%	33.892.380.000
+ Bà Nguyễn Thị Thu Vân	19,60%	28.767.980.000	19,60%	28.767.980.000
+ Ông Trịnh Quang Hưng	19,44%	28.528.020.000	19,44%	28.528.020.000
+ Ông Trịnh Quang Vinh	10,48%	15.383.810.000	10,48%	15.383.810.000
+ Các cổ đông khác	3,54%	5.190.810.000	3,54%	5.190.810.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>146.763.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>146.763.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	146.763.000.000	146.763.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối năm	146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.676.300	14.676.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu thường	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu thường	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(126.009.725.658)	(105.534.672.863)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	(8.359.558.968)	(14.282.415.137)
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b><u>(134.369.284.626)</u></b>	<b><u>(119.817.088.000)</u></b>

**20. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Nợ khó đòi đã xử lý**

<u>Tên đối tượng</u>	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Tại Chi nhánh Ia Phìn	2.745.540.295	2.745.540.295
Tại Chi nhánh Ia Bă	483.744.506	483.744.506
Các đối tượng khác	85.437.208	85.437.208
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.314.722.009</u></b>	<b><u>3.314.722.009</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cà phê xuất bán	5.330.654.936	69.811.996
Doanh thu bán vật tư, phân bón	5.250.057	60.033.282
Doanh thu khác	192.202.763	44.863.638
<b>Cộng</b>	<b><u>5.528.107.756</u></b>	<b><u>174.708.916</u></b>

*Trong đó, doanh thu với các bên liên quan gồm:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu khác	13.636.364	13.636.364
<b>Cộng</b>	<b><u>13.636.364</u></b>	<b><u>13.636.364</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn cà phê xuất bán	3.355.961.614	-
Giá vốn vật tư, phân bón	4.916.559	59.615.414
Giá vốn khác	40.350.200	36.682.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.401.228.373</u></b>	<b><u>96.297.414</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.896	33.592
Lãi do người dân nộp khoản sản lượng chậm	156.727.454	95.209.772
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	2.428
<b>Cộng</b>	<b><u>156.765.350</u></b>	<b><u>95.245.792</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	2.897.224.900	3.379.590.600
<b>Cộng</b>	<b><u>2.897.224.900</u></b>	<b><u>3.379.590.600</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.189.250	350.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.189.250</u></b>	<b><u>350.000</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.374.842.932	865.512.809
Chi phí khấu hao TSCĐ	819.121.926	761.561.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	611.652.648	194.732.042
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	889.576	5.572.150.010
Chi phí khác bằng tiền	621.376.771	558.416.567
<b>Cộng</b>	<b><u>3.427.883.853</u></b>	<b><u>7.952.372.438</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nợ sản phẩm thiếu khoán các vụ trước	473.063.300	458.611.800
Nợ khó đòi đã xử lý nay thu được	-	16.024.805
<b>Cộng</b>	<b><u>473.063.300</u></b>	<b><u>474.636.605</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá trị còn lại vườn cây bị phá dỡ	4.712.311.248	3.475.851.998
Phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp	807.870	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	67.849.880	122.544.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.780.968.998</u></b>	<b><u>3.598.395.998</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.359.558.968)	(14.282.415.137)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(8.359.558.968)	(14.282.415.137)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	14.676.300	14.676.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b><u>(570)</u></b>	<b><u>(973)</u></b>

**Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.676.300	14.676.300
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b><u>14.676.300</u></b>	<b><u>14.676.300</u></b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.359.558.968)	(14.282.415.137)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(8.359.558.968)	(14.282.415.137)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.676.300	14.676.300
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b><u>(570)</u></b>	<b><u>(973)</u></b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân công	2.176.006.575	1.597.595.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.594.004.232	4.871.084.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	803.994.218	199.430.662
Chi phí khác bằng tiền	2.250.988.572	3.120.547.274
<b>Cộng</b>	<b><u>9.824.993.597</u></b>	<b><u>9.788.658.303</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	11.140.000.000	6.714.913.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.140.000.000</u></b>	<b><u>6.714.913.000</u></b>

**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	(23.180.000.000)	(20.339.913.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>(23.180.000.000)</u></b>	<b><u>(20.339.913.000)</u></b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nợ tiềm tàng**

Theo Thông báo số 5556/TB-CTGLA-KĐT ngày 08/07/2024 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai thì Công ty còn nợ tiền thuê đất và phạt chậm nộp của các năm trước như sau:

	<b>Tiền thuê đất</b>	<b>Tiền chậm nộp</b>	<b>Cộng</b>
Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước	7.754.365.354	4.020.354.217	11.774.719.571
Giai đoạn Công ty cổ phần	395.826.472	215.124.770	610.951.242
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.150.191.826</b>	<b>4.235.478.987</b>	<b>12.385.670.813</b>

Nguyên nhân khoản tiền này chưa được phản ánh vào BCTC các năm trước như sau:

- Giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước: là khoản tiền thuê đất phát sinh của giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước, không nằm trong phương án cổ phần hóa, không nằm trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giai đoạn Công ty cổ phần: Khoản chênh lệch là do Chi cục Thuế tính tiền thuê đất trên cả phần diện tích đất mà Công ty cổ phần đã bàn giao về cho địa phương quản lý.

Các vấn đề này công ty đã làm đơn khởi kiện Cục trưởng Cục Thuế Tỉnh Gia Lai vào ngày 19/07/2024 và hiện nay Tòa án nhân dân Tỉnh Gia Lai đang thụ lý vụ án.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	6 tháng đầu năm 2025			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	150.000.000	-	150.000.000
2	Trịnh Đình Trường	P.Chủ tịch HĐQT	-	72.000.000	-	72.000.000
3	Nguyễn Công Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	180.000.000	18.000.000	-	198.000.000
4	Phùng Ngọc Kim	Nguyên thành viên HĐQT	-	10.636.364	-	10.636.364
5	Trịnh Quang Vinh	Nguyên thành viên HĐQT	-	10.636.364	-	10.636.364
6	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	18.000.000	-	18.000.000
7	Bùi Thị Liễu	Nguyên thành viên BKS	-	7.090.909	-	7.090.909
8	Bùi Thị Bích Hương	Thành viên BKS	45.000.000	12.000.000	-	57.000.000
9	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên BKS	-	4.909.091	-	4.909.091
10	Nguyễn Văn Quân	P.Tổng Giám đốc	120.000.000	-	-	120.000.000
11	Lê Bá Hiếu	Kế toán trưởng	84.000.000	-	-	84.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>429.000.000</b>	<b>303.272.728</b>	<b>-</b>	<b>732.272.728</b>

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	6 tháng đầu năm 2024			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	327.541.500	21.300.000	-	348.841.500
2	Trịnh Đình Trường	P.Chủ tịch HĐQT	-	31.050.000	-	31.050.000
3	Nguyễn Công Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	147.073.478	450.000	-	147.523.478
4	Phạm Văn Cường	Nguyên thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc	36.000.000	17.550.000	-	53.550.000
5	Phùng Ngọc Kim	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	-	18.000.000
6	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	-	18.000.000
7	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	18.000.000	-	18.000.000
8	Bùi Thị Liễu	Thành viên BKS	-	300.000	-	300.000
9	Bùi Thị Bích Hương	Thành viên BKS	45.000.000	12.000.000	-	57.000.000
10	Lê Thị Vinh	Nguyên thành viên BKS	-	11.700.000	-	11.700.000
11	Nguyễn Văn Quân	P.Tổng Giám đốc	84.600.000	-	-	84.600.000
12	Lê Bá Hiếu	Kế toán trưởng	63.525.000	-	-	63.525.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>703.739.978</b>	<b>148.350.000</b>	<b>-</b>	<b>852.089.978</b>

**b. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

*Các bên liên quan khác với Công ty gồm:*

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	Công ty đầu tư
Công ty CP Chè Biển Hồ	Cùng công ty đầu tư
Công ty TNHH Long Sơn	Thành viên ban lãnh đạo có quan hệ thân thuộc với Chủ tịch HĐQT



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trịnh Quang Hưng  
Trịnh Đình Trường  
Nguyễn Công Tiến  
Nguyễn Quang Hải

Chủ tịch HĐQT  
P.Chủ tịch HĐQT  
Tổng Giám đốc  
Người có quan hệ thân thuộc với Chủ tịch HĐQT

*Doanh thu với các bên liên quan khác:*

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng</b>	<b>13.636.364</b>	<b>13.636.364</b>
Doanh thu khác	13.636.364	13.636.364
	<b>13.636.364</b>	<b>13.636.364</b>

*Giao dịch khác với các bên liên quan khác:*

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Công ty CP Chè Biển Hồ</b>		
Ứng trước tiền mua hàng hóa	12.600.000.000	12.450.000.000
Mua hàng hóa	22.022.000	-
Trả gốc vay	7.900.000.000	-
<b>Công ty TNHH Long Sơn</b>		
Ứng trước tiền mua hàng hóa	-	10.000.000.000
<b>Nguyễn Quang Hải</b>		
Cho vay	-	4.700.000.000
Trả nợ vay	4.700.000.000	-
<b>Trịnh Đình Trường</b>		
Cho vay	-	3.314.913.000
Trả nợ vay	-	3.134.913.000
<b>Trịnh Quang Hưng</b>		
Cho vay	10.580.000.000	-
Trả nợ vay	9.750.000.000	5.200.000.000
<b>Nguyễn Công Tiến</b>		
Cho vay	750.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan khác:

	30/06/2025	01/01/2025
<b>Công ty CP Chè Biển Hồ</b>		
Phải trả người bán	1.106.153.000	-
Người mua trả tiền trước	17.300.000.000	4.700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	11.500.000.000	10.000.000.000
Vay dài hạn	12.858.188.000	22.258.188.000
Lãi tiền vay, tiền nhận ứng trước phải trả	23.097.957.833	20.614.847.833
<b>Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng</b>		
Phải thu khách hàng	4.860.214.300	4.860.214.300
<b>Trịnh Đình Trường</b>		
Vay ngắn hạn	3.794.849.400	3.794.849.400
Lãi tiền vay	569.752.600	420.931.200
<b>Trịnh Quang Hưng</b>		
Vay ngắn hạn	5.429.750.000	6.259.750.000
Lãi tiền vay	1.525.081.714	1.327.548.014
<b>Nguyễn Công Tiến</b>		
Vay ngắn hạn	750.000.000	-
Lãi tiền vay	10.721.700	-
<b>Nguyễn Quang Hải</b>		
Vay ngắn hạn	-	4.700.000.000

**3. Báo cáo bộ phận**

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Cà phê	Bán vật tư, phân bón	Hoạt động khác	Cộng
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.330.654.936	5.250.057	192.202.763	5.528.107.756
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.330.654.936	5.250.057	192.202.763	5.528.107.756
Giá vốn bộ phận	3.355.961.614	4.916.559	40.350.200	3.401.228.373
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.974.693.322	333.498	151.852.563	2.126.879.383
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	69.811.996	-	104.896.920	174.708.916
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	69.811.996	-	104.896.920	174.708.916
Giá vốn bộ phận	-	-	96.297.414	96.297.414
Lợi nhuận gộp bộ phận	69.811.996	-	8.599.506	78.411.502

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

#### 5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 30/06/2025, lỗ lũy kế là (134.369.284.626) đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 81.914.179.027 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Báo cáo tài chính này không bao gồm bất kỳ một sự điều chỉnh nào liên quan đến khả năng thu hồi và phân loại lại giá trị tài sản đã ghi nhận hoặc liên quan đến giá trị hoặc phân loại lại các khoản nợ phải trả, được coi là cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

#### 6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Gia Lai, ngày 11 tháng 08 năm 2025



**LÊ BÁ HIẾU**

Người lập biểu



**LÊ BÁ HIẾU**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN CÔNG TIẾN**

Tổng Giám đốc

